

Bản án số: 33/2017/HSST
Ngày: 06/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phong Phi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Nghị

Bà Dương Thị Thúy Duy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Đỗ Ngọc Mai Thy – Thư ký Toà án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án, Tòa án nhân dân huyện An Phú đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 25/2017/HSST ngày 19/7/2017 đối với các bị cáo:

Nguyễn Khoa N, sinh năm 1984; Sinh, trú quán: Ấp Vĩnh Na, xã Vĩnh T, An Phú, An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo phật; Học lực: 12/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Cha: Nguyễn Văn T, sinh năm 1956; Mẹ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1956; Anh chị em ruột có 04 người, bị can là người thứ ba. Vợ: Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1984, có 03 con (sinh năm 2012 và 2013 và 2017)

- Tiền án, tiền sự: Chưa.

- Bị bắt tạm giam từ ngày 14/01/2017 đến nay.

Nguyễn Thành N1, sinh năm 1964; Sinh, trú quán: Ấp Vĩnh T, xã Vĩnh T, An Phú, An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo phật; Học lực: 12/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Cha: Nguyễn Thành N (chết); Mẹ: Trần Thị B (chết); Anh chị em ruột có 07 người, bị can là người thứ ba. Vợ Nguyễn Thị Ô, sinh năm 1966; có 03 con, (sinh năm 1989, 1991 và 2000).

- Tiền án, tiền sự: Chưa.

- Bị bắt tạm giam từ ngày 13/4/2017 đến ngày 09/5/2017 được tại ngoại;

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa;

Những người tham gia tố tụng:

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Huỳnh Tiến S, sinh năm 1981; Trú tại: Ấp Vĩnh Bình, xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, tỉnh An Giang

Phạm Văn H, sinh năm 1972; Trú tại: Ấp Vĩnh Thành, xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Nguyễn Thanh T, sinh năm 1979; trú tại: Ấp An Hưng, thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1972; Trú tại: Ấp Vĩnh Thành, xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, tỉnh An Giang

Phan Thanh S, sinh năm 1971; trú tại: Ấp An Hưng, thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

Phan Thanh L, sinh năm 1961; trú tại: Ấp An Thạnh, thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

NHẬN THẤY:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/9/2016, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện An Phú nhận được Công văn số 990 ngày 22/9/2016, của Ủy ban nhân dân huyện An Phú về việc kiến nghị khởi tố đối với Nguyễn Khoa N có hành vi chiếm dụng tiền ngân sách của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh T.

Từ tháng 9/2013 đến tháng 9/2015, Nguyễn Thành N được phân công làm kế toán ngân sách xã Vĩnh T, do không thành thạo về tin học, N1 nhờ N là cán bộ tài chính, kiêm nhiệm thủ quỹ của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh T làm chứng từ kế toán như lập bảng lương, lập danh sách cá nhân hưởng phụ cấp, trợ cấp, lập giấy rút dự toán ngân sách, trình ký và nộp tại Kho bạc Nhà nước huyện An Phú đối chiếu để rút tiền.

Thời gian đầu thực hiện, N lập các chứng từ kế toán đúng theo quy định và Na cũng đã đối chiếu, kiểm tra thấy chứng từ kế toán phù hợp ký tên vào chức danh kế toán, rồi trình ký với lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã Vĩnh T rút dự toán. Thời gian sau, do thấy N lập chứng từ đúng quy định, N1 tin tưởng ký vào chức danh kế toán mà không kiểm tra, đối chiếu lại. Lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã thấy chữ ký của N1 tin tưởng cũng không kiểm tra lại trước khi ký rút dự toán. Lợi dụng việc này, từ tháng 01 đến tháng 9/2015 N đã nâng số tổng tiền lương trên bảng lương của khối đoàn thể, nâng tiền chế độ chính sách của Lực lượng dân quân tự vệ và lập không chứng từ phân hưởng chế độ của Lực lượng Quân sự xã chiếm đoạt 141.624.606 đồng để tiêu xài cá nhân, cụ thể như sau:

Nâng số tổng tiền lương khối đoàn thể thực tế từ 48.327.026 đồng thành 53.807.350 đồng, để chiếm đoạt 5.480.324 đồng/tháng, tổng cộng 09 tháng là 49.322.916 đồng.

Nâng tiền chế độ, chính sách của Lực lượng Dân quân tự vệ hưởng phụ cấp trách nhiệm theo Quyết định số 24 ngày 03/6/2011, của UBND tỉnh An Giang thực tế từ 2.369.000 đồng thành 5.635.000 đồng, để chiếm đoạt 3.266.000 đồng/tháng, tổng cộng 09 tháng là 29.394.000 đồng.

Đối với chế độ chính sách hưởng trợ cấp đối với Lực lượng Xã đội theo Quyết định số 06 ngày 14/01/2014, của UBND tỉnh An Giang thì N kê phần hưởng chế độ trợ cấp này vào bảng lương cho 12 người với số tiền 6.900.000 đồng, rồi N lập thêm 01 danh sách hưởng trợ cấp khác cho 12 người cũng với số tiền 6.900.000 đồng để chiếm đoạt, tổng cộng 09 tháng là 62.100.000 đồng.

Riêng tháng 6/2015, N rút khoản trích công đoàn 1.615.380 đồng, N chi 807.690 đồng, còn lại 807.690 đồng N chiếm đoạt sử dụng.

Bản cáo trạng số 25/VKS-HS ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang truy tố các bị cáo Nguyễn Khoa N phạm tội “Tham ô tài sản” theo khoản 2 Điều 278 của Bộ luật Hình sự. Truy tố Nguyễn Thành N1 phạm tội “thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo khoản 1 Điều 285 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa phát biểu lời luận tội đối với hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 278; các điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47, Điều 33 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Khoa N từ 02 năm đến 02 năm 6 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 285; các điểm p, s khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thành N1 từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý vật chứng trong vụ án: Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền bị cáo Nam nộp khắc phục dư là 613.929 đồng do bị cáo không yêu cầu và tiền đã nộp vào Ngân sách nhà nước nên xem như đã nộp khắc phục và xung vào công quỹ Nhà nước.

Các bị cáo không tự bào chữa cho hành vi của mình.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo xin hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ cho bị cáo, các bị cáo đã biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật và ăn năn hối lỗi xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để về phụ giúp gia đình và làm lại cuộc đời.

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Về thủ tục: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Phú, tỉnh An Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định.

Về người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Thanh S, vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai và ý kiến trong hồ sơ. Xét việc vắng mặt của ông Sơn không ảnh hưởng đến việc xét xử, nên tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 191, Điều 192 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra; phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đầy đủ căn cứ xác định:

Nguyễn Khoa N có hành vi nâng số tổng tiền lương trên bảng lương của khối đoàn thể, nâng tiền chế độ chính sách của Lực lượng dân quân tự vệ và lập khống chứng từ phân hưởng chế độ của Lực lượng Quân sự xã để chiếm đoạt tổng cộng số tiền 141.624.606 đồng.

Nguyễn Thành Na có hành vi thiếu trách nhiệm, không thực hiện đúng nhiệm vụ kế toán được giao, không kiểm tra đối chiếu chứng từ theo quy định, giao cho Nam thực hiện nhiệm vụ của mình, để Nam chiếm đoạt 141.624.606 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo N khai nhận: Bị cáo thừa nhận do trong quá trình được giao làm thủ quỹ và được lãnh đạo tin tưởng lập bảng lương chứng từ để rút kinh phí bị cáo đã nâng khống các khoản chi để chiếm dụng số tiền ngân sách UBND xã Vĩnh T là 141.624.606 đồng. Số tiền chiếm dụng được bị cáo tiêu xài cá nhân hết 81.624.606 đồng, còn lại 60.000.000 đồng cất giữ. Khi Thanh tra huyện làm việc bị cáo đi làm thuê không tham gia đối chiếu chứng từ, nên Thanh tra quy kết chiếm dụng 142.238.535 đồng, nên ngày 30/9/2016 bị cáo nộp 142.238.535 đồng khắc phục hậu quả. Đến khi Cơ quan Cảnh sát điều tra làm việc bị cáo trực tiếp đối chiếu lại các chứng từ, mới biết số tiền bị cáo chiếm đoạt là 141.624.606 đồng, đối với số tiền bị cáo nộp khắc phục dư là 613.929 đồng bị cáo không yêu cầu nhận lại và nộp sung quỹ nhà nước.

Bị cáo Nguyễn Thành N1, Khai nhận: Việc bị cáo N làm sai lệch chứng từ chiếm đoạt 141.624.606 đồng bị cáo không biết, bị cáo không sử dụng tiền chiếm

đoạt. Đến khi thanh tra làm việc bị cáo mới biết, bị cáo không được Nam cho hưởng lợi từ tiền chiếm đoạt này, tuy nhiên do tin tưởng Nam nên bị cáo không kiểm tra và thiếu trách nhiệm dẫn đến hậu quả để cho N chiếm đoạt tiền của Ngân sách Nhà nước.

Căn cứ pháp luật, hành vi của bị cáo Nguyễn Khoa N đã phạm tội “Tham ô tài sản”. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 278 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Thành N1, đã phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” được quy định tại khoản 1, Điều 285 Bộ luật hình sự. Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật (đã viện dẫn) là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét về tính chất vụ án:

Đối với bị cáo N đứng trước phiên tòa hôm nay là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo ý thức được việc làm của mình là xâm phạm tài sản của Nhà nước nhưng bị cáo đã cố ý thực hiện và lợi dụng tin tưởng của lãnh đạo, người có chức vụ quyền hạn để ký bằng lương mà bị cáo đã tự ý nâng khống nhằm chiếm đoạt số tiền nhiều lần lên đến 141.624.606 đồng, hành vi của bị cáo N là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm tài sản của Nhà nước, gây mất an ninh trật tự ở địa phương, làm ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan nhà nước ở địa phương làm xấu đi tình hình chính trị tại huyện An Phú, hậu quả xảy ra do hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “tham ô tài sản” được quy định tại khoản 2 Điều 278 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo N1 là người đã từng kiêm qua nhiều công việc, kể cả chức vụ lãnh đạo nhưng lại để N làm thay công việc mà lơ là không kiểm tra để hậu quả xảy ra là bị cáo N đã chiếm đoạt tiền Ngân sách của UBND xã Vĩnh T, hậu quả của việc bị cáo thiếu trách nhiệm đã làm cho Ngân sách địa phương bị thất thoát 141.624.606 đồng. Ngoài ra sự việc trên còn làm ảnh hưởng uy tín của xã Vĩnh Trường và của huyện An Phú trong tình hình ngày càng có nhiều biểu hiện sai phạm trong công tác tài chính, ngân sách của huyện An Phú. Hành vi thiếu trách nhiệm của bị cáo đã cấu thành tội “thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” được quy định tại khoản 1 Điều 285 Bộ luật hình sự.

Xét về lượng hình: Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là hành vi trái pháp luật, bị cáo N thực hiện hành vi phạm tội một cách cố ý, Bị cáo N1 thực hiện hành vi phạm tội vô ý vì quá tự tin nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc trong lúc lượng hình để đưa ra bản án nghiêm khắc nhằm giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội sau này.

Về nhân thân:

Bị cáo N là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, trong quá trình điều tra bị cáo thể hiện tinh thần khai báo thật thà, thành khẩn, biết năn năn hối cải, bị cáo N đã tự nguyện giao nộp số tiền 142.238.535 đồng để khắc phục hậu quả, căn cứ khoản 4, Điều 4 Luật phòng, chống tham nhũng 2005 và sửa đổi bổ sung năm 2007, năm 2012 có quy định “Người có hành vi tham nhũng

đã chủ động khai báo trước khi bị phát hiện, tích cực hạn chế thiệt hại do hành vi trái pháp luật của mình gây ra, *tự giác nộp lại tài sản tham nhũng thì có thể được xem xét giảm nhẹ hình thức kỷ luật, giảm nhẹ hình phạt hoặc miễn truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật*”.

Ngoài ra gia đình bị cáo N có ông bà ngoại được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất và ông thứ ba, bà ba, ông năm, bà năm được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng ba trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị cáo có con nhỏ đang mắc bệnh tim bẩm sinh. Do đó Hội đồng xét xử sẽ xem xét và áp dụng khoản 2, Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thành N1 là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, trong quá trình điều tra bị cáo thể hiện tinh thần khai báo thật thà, thành khẩn, lỗi của bị cáo là do tin tưởng N, bị cáo không chiếm đoạt tiền ngân sách, bị cáo có thời gian dài công tác và phục vụ cho chính quyền địa phương tuy có lỗi nhưng cũng xem xét đến công lao của bị cáo đã gắn bó với chính quyền và bà con nhân dân trong xã Vĩnh T, trong quá trình công tác bị cáo được tặng nhiều giấy khen và kỷ niệm chương. Do đó Hội đồng xét xử cũng có xem xét giảm nhẹ phần nào về hình phạt cho bị cáo,

Hội đồng xét xử sẽ xem xét trong quyết định hình phạt đối với các bị cáo nhằm đưa ra bản án nghiêm khắc để giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 bộ luật hình sự để xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N.

Từ những nhận định như trên và xem xét nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy Viện kiểm sát đề nghị mức án từ 02 năm đến 2 năm 6 tháng đối với Nguyễn Khoa N và 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo Nguyễn Thành N1 là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Về các cá nhân có liên quan đến sai phạm:

Đối với ông Phạm Văn H là nguyên Chủ tịch xã Vĩnh T (hiện chuyển công tác khác), chủ tài khoản, do thiếu kiểm tra và tin tưởng cấp dưới trong việc tham mưu ký chứng từ và bảng lương đã dẫn đến việc bị cáo N chiếm đoạt tiền ngân sách, tuy nhiên do ông phát hiện sai phạm của N nên có đề nghị đoàn kiểm tra, kiểm tra và phát hiện toàn bộ quá trình sai phạm của N. Nên không xem xét xử lý hình sự là có căn cứ.

Đối với ông Nguyễn Thanh T, Phó chủ tịch xã và Nguyễn Thị Hồng H, nguyên phó chủ tịch xã, cả 2 người đã ký duyệt chứng từ nhưng không kiểm tra, đối chiếu để N chiếm đoạt tiền ngân sách 141.624.606 đồng là vi phạm và thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ. Tuy nhiên ông T và bà H ký gây thất thoát tiền ngân sách của mỗi người chưa đến 100.000.000 đồng (căn cứ quy định tại Điều 360 Bộ luật hình sự 2015, điểm b, khoản 1, Nghị quyết 109/2015/QH13 ngày

27/11/2015 của Quốc Hội thì hành vi của các ông bà không cấu thành tội phạm). Nên, Cơ quan cảnh sát điều tra không khởi tố đối với ông T và bà H là có căn cứ.

Ông Phan Thanh S - Kế toán kho bạc nhà nước, trực tiếp kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh T để N chiếm đoạt 141.624.606 đồng là thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ. Nhưng căn cứ vào Quyết định số 94 ngày 12/12/2005 và Thông tư 161 ngày 02/10/2012, của Bộ Tài chính thì việc bị cáo N làm sai lệch chứng từ, trách nhiệm chính thuộc về bị cáo N, N1 và người ký duyệt chứng từ. Nên, Cơ quan điều tra không khởi tố ông S là có căn cứ.

Tại phiên tòa Đại diện viện kiểm sát huyện An Phú cho rằng hành vi của các ông, bà: ông H, ông T, bà H, ông S là thiếu trách nhiệm, không đủ căn cứ để khởi tố vụ án hình sự. Tuy nhiên cần có hình thức kiểm điểm phù hợp với trách nhiệm của từng cá nhân và tổ chức có liên quan đến các cá nhân có sai phạm.

Qua vụ án này cần nhắc nhở các ông, bà: Ông H, ông T, bà H, ông S trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, công vụ và chức trách được giao cần phải kiểm tra công tác liên quan đến tài chính, kế toán trước khi ký duyệt, vì khi ký tên vào bất kỳ văn bản nào với chức danh và nhiệm vụ thì phải chịu trách nhiệm, nếu không kiểm tra mà để xảy ra sai phạm thì có thể sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự giống như bị cáo Na, do đó không thể đổ lỗi do tin tưởng cấp dưới mà để xảy ra sai phạm tương tự.

Về xử lý vật chứng, số tiền bị cáo N đã chiếm đoạt 141.624.606 đồng, hiện đã trả lại cho Ngân sách Nhà nước nên không xem xét giải quyết trong vụ án. Đối với số tiền dư 613.929 đồng bị cáo N không yêu cầu và đồng ý nộp khắc phục hậu quả cho Ngân sách Nhà nước nên không xem xét.

Các bị cáo còn phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố:

Bị cáo Nguyễn Khoa N phạm tội “Tham ô tài sản”;

Bị cáo Nguyễn Thành N1 phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”

- Căn cứ vào điểm c, điểm d, khoản 2, khoản 5 Điều 278; các điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33 của Bộ luật hình sự;

- Căn cứ khoản 4, Điều 4 Luật phòng, chống tham nhũng 2005 và sửa đổi bổ sung năm 2007, năm 2012;

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Khoa N 02 (hai) năm tù**. Thời hạn tù chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bắt tạm giam (ngày 14 tháng 01 năm 2017).

Cấm bị cáo Nguyễn Khoa N đảm nhiệm chức vụ liên quan đến kế toán, thủ quỹ và công tác tài chính trong thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 285; các điểm p, s khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thành N1 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo**, thời gian thử thách là 18 tháng được tính kể từ ngày tuyên án, ngày 06/9/2017.

Giao bị cáo Nguyễn Thành N1 cho UBND xã Vĩnh T, huyện An Phú, tỉnh An Giang, giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Cấm bị cáo Nguyễn Thành N1 đảm nhiệm chức vụ và thực hiện công việc liên quan đến kế toán trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án.

- Căn cứ Điều 99 của Bộ luật Tổ tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Buộc các bị cáo Nguyễn Khoa N và Nguyễn Thành N1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm; riêng đối người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- VKSND huyện An Phú;
- Nhà Tạm giữ Công an huyện An Phú;
- Thi hành án DS huyện An Phú;
- Bộ phận THAHS Tòa án;
- UBND cấp xã nơi BC cư trú;
- Người bị hại, liên quan (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phong Phi